

Số: 1167 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 4 năm 2017

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức các môn thi đấu trước  
Đại hội TDTT tỉnh Thanh Hóa năm 2017**

### CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc giao dự toán thu NSNN, chi NSDP và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2017;

Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh về tổ chức Đại hội TDTT các cấp tỉnh Thanh Hóa và tham dự Đại hội TDTT toàn quốc lần thứ VIII năm 2018;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 1276/STC-HCSN ngày 3/4/2017,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức các môn thi đấu trước Đại hội TDTT tỉnh Thanh Hóa năm 2017 với các nội dung chính sau:

- Tổng dự toán: 2.248.390.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm bốn mươi tám triệu, ba trăm chín mươi ngàn đồng).

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh năm 2017.

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này:

- Sở Tài chính cấp kinh phí cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thực hiện;

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích và thanh quyết toán theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

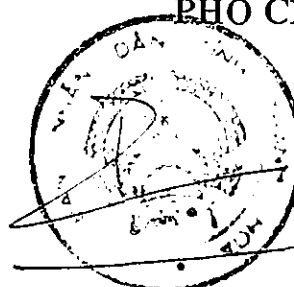
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KTTC.Phg.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền

Phụ biểu chi tiết  
**DỰ TOÁN KINH PHÍ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI TDTT LẦN THỨ VIII**  
(Tổ chức 13 môn thể thao năm 2017)

(Kèm theo Quyết định số: 1169/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: 1.000 đ

| TT       | Nội dung                                                                                          | ĐV tính | Số lượng | Định mức chi | Thành tiền       | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------|--------------|------------------|---------|
|          | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                  |         |          |              | <b>2.248.390</b> |         |
| <b>A</b> | <b>CHI PHÍ CHUNG</b>                                                                              |         |          |              | <b>247.180</b>   |         |
| <b>1</b> | <b>Chi phí Ban chỉ đạo cấp tỉnh chỉ đạo cơ sở</b>                                                 |         |          |              | <b>109.340</b>   |         |
| -        | Họp Ban chỉ đạo trước và sau thi đấu (2 cuộc x 26 người)                                          | người   | 26       | 160          | 4.160            |         |
| -        | Phục vụ hội trường, lái xe (2 cuộc x 15 người x 50.000đ/người/cuộc)                               | người   | 15       | 100          | 1.500            |         |
| -        | Tiền xăng xe công tác chỉ đạo 27 huyện, thị, thành phố bình quân 2.000.000đ/huyện                 | huyện   | 27       | 2.000        | 54.000           |         |
| -        | Tiền ăn cho Ban chỉ đạo (bình quân 4 ngày/huyện x 2 người/huyện x 150.000đ/người/ngày/huyện)      | huyện   | 27       | 1.200        | 32.400           |         |
| -        | Tiền Ban chỉ đạo làm nhiệm vụ (bình quân 4 ngày/huyện x 2 người/huyện x 80.000đ/người/ngày/huyện) | huyện   | 27       | 640          | 17.280           |         |
| <b>2</b> | <b>Chi phí Ban tổ chức</b>                                                                        |         |          |              | <b>78.640</b>    |         |
| -        | Họp Ban tổ chức triển khai nhiệm vụ (2 cuộc x 29 người x 100.000đ/người/cuộc)                     | người   | 29       | 160          | 4.640            |         |
| -        | Phục vụ hội trường, lái xe (2 cuộc x 15 người x 50.000đ/người/cuộc)                               | người   | 15       | 100          | 1.500            |         |
| -        | Tiền ăn BTC: 29 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                   | người   | 29       | 900          | 26.100           |         |
| -        | Tiền ngủ BTC: 29 người x 5 đêm x 200.000đ/người/đêm                                               | Người   | 29       | 1.000        | 29.000           |         |
| -        | Tiền ban tổ chức làm nhiệm vụ (29 người x 6 ngày x 100.000đ/người/ngày)                           | người   | 29       | 600          | 17.400           |         |
| <b>3</b> | <b>Chi hợp tổng kết BCD, BTC giai đoạn 1</b>                                                      |         |          |              | <b>23.000</b>    |         |
| -        | Họp tổng kết BCD, BTC giai đoạn 1 (100 người x 200.000đ/người/buổi x 1 buổi)                      | người   | 100      | 160          | 16.000           |         |
| -        | Hội trường, loa đài, tăng âm, nước uống cuộc họp tổng kết                                         | buổi    | 1        | 5.000        | 5.000            |         |
| -        | Tiền in ấn tài liệu phục vụ cuộc họp                                                              | bộ      | 100      | 20           | 2.000            |         |
| <b>4</b> | <b>Chi tiếp khách Trung ương dự và chỉ đạo: (03 người)</b>                                        |         |          |              | <b>31.200</b>    |         |

|   |                                                                                                  |         |    |       |           |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|-------|-----------|--|
| - | Tiền ăn (03 người x 02 ngày x 200.000đ/ ngày/người)                                              | Môn     | 13 | 1.200 | 15.600    |  |
| - | Tiền phòng ngủ (03 người x 2 phòng x 01 đêm x 700.000đ/phòng)                                    | Môn     | 13 | 1.200 | 15.600    |  |
| 5 | Chi tiền nước + văn phòng phẩm                                                                   | cuộc    | 5  | 1.000 | 5.000     |  |
| B | <b>CHI PHÍ THI ĐẤU 13 MÔN</b>                                                                    |         |    |       | 2.001.210 |  |
| I | <b>MÔN VẬT TỰ DO (Thời gian: 10-13/6/2017- Nhà thi đấu huyện Hoàng Hóa)</b>                      |         |    |       | 146.350   |  |
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                             |         |    |       | 11.760    |  |
| - | Phòng chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2          | M2      | 33 | 70    | 2.310     |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m | Câu     | 4  | 600   | 2.400     |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                       | Bát     | 5  | 40    | 200       |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                              | đĩa hoa | 1  | 350   | 350       |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                                            | Bộ      | 1  | 5.600 | 5.600     |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                     | Cái     | 30 | 30    | 900       |  |
| 2 | <b>Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:</b>                                |         |    |       | 30.440    |  |
| - | BTC hợp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                       | Người   | 15 | 80    | 1.200     |  |
| - | BTC hợp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                  | Người   | 15 | 80    | 1.200     |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                                               | Người   | 15 | 480   | 7.200     |  |
| - | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                | Người   | 35 | 120   | 4.200     |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                                          | Người   | 35 | -     | 15.440    |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 8 người x 60.000đ/người/tối x 03 tối = 720.000đ                         | Người   | 8  | 150   | 1.200     |  |
| 3 | <b>Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:</b>                                 |         |    |       | 43.500    |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                  | Người   | 15 | 900   | 13.500    |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 150.000đ                                     | Người   | 35 | 600   | 21.000    |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài cấp huyện: 10 người x 4 ngày x 200.000đ/ ngày                          | Người   | 10 | 800   | 8.000     |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                       | Người   | 10 | 100   | 1.000     |  |

|    |                                                                                                  |       |     |       |         |  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|---------|--|
| 4  | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                            |       |     |       | 10.350  |  |
| -  | In thẻ VĐV, trường đoàn, tài ni lông: 250 VĐV x 20.000đ/bộ = 6.000.000đ                          | Cái   | 250 | 15    | 3.750   |  |
| -  | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đồng quyền: 40 quyền x 15.000đ = 600.000đ                        | Quyển | 40  | 15    | 600     |  |
| -  | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 4   | 1.500 | 6.000   |  |
| 5  | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                         |       |     |       | 8.000   |  |
| -  | Tiền điện sáng                                                                                   | Ngày  | 4   | 1.000 | 4.000   |  |
| -  | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                      | Ngày  | 4   | 1.000 | 4.000   |  |
| 6  | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:                                              |       |     |       | 9.890   |  |
| -  | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 4   | 360   | 1.440   |  |
| -  | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                              | Người | 3   | 360   | 1.080   |  |
| -  | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 4   | 500   | 2.000   |  |
| -  | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                |       | 1   | 1.000 | 1.000   |  |
| -  | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30  | 45    | 1.350   |  |
| -  | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30  | 70    | 2.100   |  |
| -  | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4   | 140   | 560     |  |
| -  | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4   | 90    | 360     |  |
| 7  | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                  |       |     |       | 32.410  |  |
| -  | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 29  | 50    | 1.450   |  |
| -  | In giấy chứng nhận thành tích: 72 cái x 15.000đ/cái                                              | cái   | 72  | 15    | 1.080   |  |
| -  | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 72  | 50    | 3.600   |  |
| -  | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 72 cái x 65.000đ/cái                                             | cái   | 72  | 65    | 4.680   |  |
| -  | Giải nhất: 18 giải x 500.000đ/giải                                                               | giải  | 18  | 500   | 9.000   |  |
| -  | Giải nhì: 18 giải x 300.000đ/giải                                                                | giải  | 18  | 300   | 5.400   |  |
| -  | Giải ba: 36 giải x 200.000đ/giải                                                                 | giải  | 36  | 200   | 7.200   |  |
| II | MÔN CẦU LÔNG (Thời gian: 05-07/7/2017- Nhà thi đấu huyện Hà Trung)                               |       |     |       | 118.090 |  |

|   |                                                                                                               |         |     |       |        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|--------|--|
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 10.360 |  |
| - | Phòng chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310  |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400  |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200    |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350    |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 3 ngày = 4.200.000đ                                            | Bộ      | 1   | 4.200 | 4.200  |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900    |  |
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 24.780 |  |
| - | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC họp rút kinh nghiệm : 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                              | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 5 ngày                                                            | Người   | 15  | 400   | 6.000  |  |
| - | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                             | Người   | 35  | 120   | 4.200  |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 3 ngày x 120.000đ/ng                                                       | Người   | 35  | -     | 11.580 |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 6 người x 60.000đ/người/tối x 02 tối                                                 | Người   | 6   | 100   | 600    |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 27.000 |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 5 ngày x 150.000đ/ ngày                                                               | Người   | 15  | 750   | 11.250 |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 3 ngày x 150.000đ                                                  | Người   | 35  | 450   | 15.750 |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                                         |         |     |       | 25.350 |  |
| - | In thẻ VĐV, trường đoàn, túi ni lông: 350 VĐV x 20.000đ/bộ                                                    | Cái     | 350 | 15    | 5.250  |  |
| - | Mua dụng cụ thi đấu: 100 hộp cầu lông                                                                         | hộp     | 100 | 150   | 15.000 |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                                     | Quyển   | 40  | 15    | 600    |  |
| - | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                                 | ngày    | 3   | 1.500 | 4.500  |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                                      |         |     |       | 6.000  |  |

|     |                                                                                                               |       |    |       |         |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|-------|---------|--|
| -   | Tiền điện sáng                                                                                                | Ngày  | 3  | 1.000 | 3.000   |  |
| -   | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                                   | Ngày  | 3  | 1.000 | 3.000   |  |
| 6   | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn                                                            |       |    |       | 9.390   |  |
| -   | Lực lượng an ninh trật tự                                                                                     | Người | 4  | 360   | 1.440   |  |
| -   | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 3 ngày x 90.000đ/ngày                                                           | Người | 3  | 360   | 1.080   |  |
| -   | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                                | ngày  | 3  | 500   | 1.500   |  |
| -   | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                             |       | 1  | 1.000 | 1.000   |  |
| -   | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                                   | Người | 30 | 45    | 1.350   |  |
| -   | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                                   | Cái   | 30 | 70    | 2.100   |  |
| -   | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ              | Bộ    | 4  | 140   | 560     |  |
| -   | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ                      | Người | 4  | 90    | 360     |  |
| 7   | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                               |       |    |       | 15.210  |  |
| -   | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                                      | lá    | 29 | 50    | 1.450   |  |
| -   | In giấy chứng nhận thành tích: 32 cái x 15.000đ/cái                                                           | cái   | 32 | 15    | 480     |  |
| -   | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                                       | bó    | 32 | 50    | 1.600   |  |
| -   | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 32 cái x 65.000đ/cái                                                          | cái   | 32 | 65    | 2.080   |  |
| -   | Giải nhất: 8 giải x 500.000đ/giải                                                                             | giải  | 8  | 500   | 4.000   |  |
| -   | Giải nhì: 8 giải x 300.000đ/giải                                                                              | giải  | 8  | 300   | 2.400   |  |
| -   | Giải ba: 16 giải x 200.000đ/giải                                                                              | giải  | 16 | 200   | 3.200   |  |
| III | MÔN KARATEDO (Thời gian: 26-29/7/2017- Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh)                                             |       |    |       | 177.280 |  |
| 1   | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |       |    |       | 11.760  |  |
| -   | Phông chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2    | 33 | 70    | 2.310   |  |
| -   | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu   | 4  | 600   | 2.400   |  |

|   |                                                                           |         |     |       |               |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|---------------|--|
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                | Bát     | 5   | 40    | 200           |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                       | đĩa hoa | 1   | 350   | 350           |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                     | Ngày    | 4   | 1.400 | 5.600         |  |
| - | Cắt giân đề can biên đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ              | Cái     | 30  | 30    | 900           |  |
| 2 | <b>Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:</b>         |         |     |       | <b>30.140</b> |  |
| - | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                | Người   | 15  | 80    | 1.200         |  |
| - | BTC họp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ           | Người   | 15  | 80    | 1.200         |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                        | Người   | 15  | 480   | 7.200         |  |
| - | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                         | Người   | 35  | 120   | 4.200         |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                   | Người   | 35  | -     | 15.440        |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 6 người x 60.000đ/người/tối x 03 tối             | Người   | 6   | 150   | 900           |  |
| 3 | <b>Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:</b>          |         |     |       | <b>38.550</b> |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 5 ngày x 150.000đ/ ngày                           | Người   | 15  | 750   | 11.250        |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 150.000đ              | Người   | 35  | 600   | 21.000        |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài cấp huyện: 7 người x 4 ngày x 200.000đ/ ngày    | Người   | 7   | 800   | 5.600         |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                | Người   | 7   | 100   | 700           |  |
| 4 | <b>Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:</b>              |         |     |       | <b>11.850</b> |  |
| - | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 450 VĐV x 20.000đ/bộ                | Cái     | 450 | 15    | 6.750         |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ | Quyển   | 40  | 15    | 600           |  |
| - | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                             | ngày    | 3   | 1.500 | 4.500         |  |
| 5 | <b>Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:</b>                           |         |     |       | <b>10.000</b> |  |
| - | Tiền điện sáng                                                            | Ngày    | 4   | 1.500 | 6.000         |  |
| - | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                               | Ngày    | 4   | 1.000 | 4.000         |  |
| 6 | <b>Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:</b>                |         |     |       | <b>9.890</b>  |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                 | Người   | 4   | 360   | 1.440         |  |

|    |                                                                                                               |         |     |       |                |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|----------------|--|
| -  | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                                           | Người   | 3   | 360   | 1.080          |  |
| -  | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                                | ngày    | 4   | 500   | 2.000          |  |
| -  | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                             |         | 1   | 1.000 | 1.000          |  |
| -  | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                                   | Người   | 30  | 45    | 1.350          |  |
| -  | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                                   | Cái     | 30  | 70    | 2.100          |  |
| -  | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ              | Bộ      | 4   | 140   | 560            |  |
| -  | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ                      | Người   | 4   | 90    | 360            |  |
| 7  | <b>Kinh phí khen thưởng trao giải:</b>                                                                        |         |     |       | <b>65.090</b>  |  |
| -  | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                                      | lá      | 29  | 50    | 1.450          |  |
| -  | In giấy chứng nhận thành tích: 148 cái x 15.000đ/cái                                                          | cái     | 148 | 15    | 2.220          |  |
| -  | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                                       | bó      | 148 | 50    | 7.400          |  |
| -  | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 148 cái x 65.000đ/cái                                                         | cái     | 148 | 65    | 9.620          |  |
| -  | Giải nhất: 37 giải x 500.000đ/giải                                                                            | giải    | 37  | 500   | 18.500         |  |
| -  | Giải nhì: 37 giải x 300.000đ/giải                                                                             | giải    | 37  | 300   | 11.100         |  |
| -  | Giải ba: 74 giải x 200.000đ/giải                                                                              | giải    | 74  | 200   | 14.800         |  |
| IV | <b>MÔN QUẢN VỢT (Thời gian: 05-07/8/2017- Sân Quần vợt Miền Trung Xanh)</b>                                   |         |     |       | <b>118.690</b> |  |
| 1  | <b>Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền</b>                                                   |         |     |       | <b>10.360</b>  |  |
| -  | Phông chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310          |  |
| -  | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400          |  |
| -  | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200            |  |
| -  | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350            |  |
| -  | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 3 ngày                                                         | Ngày    | 3   | 1.400 | 4.200          |  |
| -  | Cắt gián đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900            |  |

|   |                                                                                                    |       |     |       |        |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|--------|--|
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                         |       |     |       | 24.780 |  |
| - | BTC hợp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                         | Người | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC hợp rút kinh nghiệm : 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                   | Người | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 5 ngày                                                 | Người | 15  | 400   | 6.000  |  |
| - | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                  | Người | 35  | 120   | 4.200  |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 3 ngày x 120.000đ/ng                                            | Người | 35  | -     | 11.580 |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 6 người x 60.000đ/người/tối x 02 tối                                      | Người | 6   | 100   | 600    |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                          |       |     |       | 27.000 |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 5 ngày x 150.000đ/ngày                                                     | Người | 15  | 750   | 11.250 |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 3 ngày x 150.000đ                                       | Người | 35  | 450   | 15.750 |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                              |       |     |       | 17.850 |  |
| - | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 250 VĐV x 20.000đ/bộ                                         | Cái   | 250 | 15    | 3.750  |  |
| - | Mua dụng cụ thi đấu: 100 hộp bóng                                                                  | hộp   | 100 | 90    | 9.000  |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                          | Quyển | 40  | 15    | 600    |  |
|   | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                      | ngày  | 3   | 1.500 | 4.500  |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                           |       |     |       | 15.000 |  |
| - | Thuê địa điểm thi đấu (Sân quần vợt Miền Trung Xanh, TPTH) (bao gồm tiền sân, điện, nước, vệ sinh) | Ngày  | 3   | 5.000 | 15.000 |  |
| 6 | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:                                                |       |     |       | 8.490  |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                                          | Người | 3   | 270   | 810    |  |
| - | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 3 ngày x 90.000đ/ngày                                                | Người | 3   | 270   | 810    |  |
| - | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                     | ngày  | 3   | 500   | 1.500  |  |
| - | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                  |       | 1   | 1.000 | 1.000  |  |
| - | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                        | Người | 30  | 45    | 1.350  |  |
| - | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                        | Cái   | 30  | 70    | 2.100  |  |
| - | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ   | Bộ    | 4   | 140   | 560    |  |

|   |                                                                                                               |         |    |       |         |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----|-------|---------|--|
| - | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ                      | Người   | 4  | 90    | 360     |  |
| 7 | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                               |         |    |       | 15.210  |  |
| - | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                                      | lá      | 29 | 50    | 1.450   |  |
| - | In giấy chứng nhận thành tích: 32 cái x 15.000đ/cái                                                           | cái     | 32 | 15    | 480     |  |
| - | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                                       | bó      | 32 | 50    | 1.600   |  |
| - | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 32 cái x 65.000đ/cái                                                          | cái     | 32 | 65    | 2.080   |  |
| - | Giải nhất: 8 giải x 500.000đ/giải                                                                             | giải    | 8  | 500   | 4.000   |  |
| - | Giải nhì: 8 giải x 300.000đ/giải                                                                              | giải    | 8  | 300   | 2.400   |  |
| - | Giải ba: 16 giải x 200.000đ/giải                                                                              | giải    | 16 | 200   | 3.200   |  |
| V | MÔN VOVINAM (Thời gian: 27-30/8/2017- Trung tâm HL&TĐ TDTT tỉnh)                                              |         |    |       | 181.290 |  |
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |    |       | 11.760  |  |
| - | Phông chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33 | 70    | 2.310   |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4  | 600   | 2.400   |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5  | 40    | 200     |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1  | 350   | 350     |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                                                         | Ngày    | 4  | 1.400 | 5.600   |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30 | 30    | 900     |  |
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |    |       | 30.290  |  |
| - | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15 | 80    | 1.200   |  |
| - | BTC họp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                               | Người   | 15 | 80    | 1.200   |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                                                            | Người   | 15 | 480   | 7.200   |  |
| - | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                             | Người   | 35 | 120   | 4.200   |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                                                       | Người   | 35 | -     | 15.440  |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 7 người x 60.000đ/người/tối x 03 tối                                                 | Người   | 7  | 150   | 1.050   |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |    |       | 40.800  |  |

|   |                                                                                                  |       |     |       |        |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|--------|--|
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                  | Người | 15  | 900   | 13.500 |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 150.000đ                                     | Người | 35  | 600   | 21.000 |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài cấp huyện: 7 người x 4 ngày x 200.000đ/ ngày                           | Người | 7   | 800   | 5.600  |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                       | Người | 7   | 100   | 700    |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                            |       |     |       | 12.600 |  |
| - | In thẻ VĐV, trường đoàn, túi ni lông: 400-VĐV x 20.000đ/bộ                                       | Cái   | 400 | 15    | 6.000  |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                        | Quyển | 40  | 15    | 600    |  |
|   | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 4   | 1.500 | 6.000  |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                         |       |     |       | 10.000 |  |
| - | Tiền điện sáng                                                                                   | Ngày  | 4   | 1.500 | 6.000  |  |
| - | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                      | Ngày  | 4   | 1.000 | 4.000  |  |
| 6 | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:                                              |       |     |       | 9.030  |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 3   | 360   | 1.080  |  |
| - | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                              | Người | 3   | 360   | 1.080  |  |
| - | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 3   | 500   | 1.500  |  |
| - | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                |       | 1   | 1.000 | 1.000  |  |
| - | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30  | 45    | 1.350  |  |
| - | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30  | 70    | 2.100  |  |
| - | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4   | 140   | 560    |  |
| - | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phân thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4   | 90    | 360    |  |
| 7 | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                  |       |     |       | 66.810 |  |
| - | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 29  | 50    | 1.450  |  |
| - | In giấy chứng nhận thành tích: 152 cái x 15.000đ/cái                                             | cái   | 152 | 15    | 2.280  |  |
| - | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 152 | 50    | 7.600  |  |

|    |                                                                                                               |         |     |       |         |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|---------|--|
| -  | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 152 cái x 65.000đ/cái                                                         | cái     | 152 | 65    | 9.880   |  |
| -  | Giải nhất: 38 giải x 500.000đ/giải                                                                            | giải    | 38  | 500   | 19.000  |  |
| -  | Giải nhì: 38 giải x 300.000đ/giải                                                                             | giải    | 38  | 300   | 11.400  |  |
| -  | Giải ba: 76 giải x 200.000đ/giải                                                                              | giải    | 76  | 200   | 15.200  |  |
| VI | MÔN BÓNG ĐÁ NAM (Thời gian: 01-09/9/2017- SVĐ huyện Quảng Xương)                                              |         |     |       | 291.060 |  |
| 1  | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 20.160  |  |
| -  | Phòng chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310   |  |
| -  | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400   |  |
| -  | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200     |  |
| -  | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350     |  |
| -  | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 10 ngày                                                        | Ngày    | 10  | 1.400 | 14.000  |  |
| -  | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900     |  |
| 2  | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 62.750  |  |
| -  | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| -  | BTC họp rút kinh nghiệm : 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                              | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| -  | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 12 ngày                                                           | Người   | 15  | 960   | 14.400  |  |
| -  | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                             | Người   | 35  | 120   | 4.200   |  |
| -  | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 10 ngày x 120.000đ/ng                                                      | Người   | 35  | 1.200 | 38.600  |  |
| -  | Chuyên môn làm buổi tối: 7 người x 60.000đ/người/tối x 09 tối                                                 | Người   | 7   | 450   | 3.150   |  |
| 3  | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 94.200  |  |
| -  | Tiền ăn BTC: 15 người x 12 ngày x 150.000đ/ ngày                                                              | Người   | 15  | 1.800 | 27.000  |  |
| -  | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 10 ngày x 150.000đ                                                 | Người   | 35  | 1.500 | 52.500  |  |
| -  | Tiền phòng nghỉ trọng tài cấp huyện: 7 người x 10 ngày x 200.000đ/ ngày                                       | Người   | 7   | 2000  | 14.000  |  |
| -  | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                                    | Người   | 7   | 100   | 700     |  |

|   |                                                                                                  |       |     |       |        |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|--------|--|
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                            |       |     |       | 37.330 |  |
| - | In thẻ VĐV, trường đoàn, túi ni lông: 522 VĐV x 20.000đ/bộ                                       | Cái   | 522 | 15    | 7.830  |  |
| - | Mua dụng cụ thi đấu: 10 quả bóng                                                                 | quả   | 10  | 850   | 8.500  |  |
| - | Mua lưới bóng đá                                                                                 | cái   | 4   | 1.350 | 5.400  |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                        | Quyển | 40  | 15    | 600    |  |
|   | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 10  | 1.500 | 15.000 |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                         |       |     |       | 15.000 |  |
| - | Thuê địa điểm thi đấu: Sân bóng đá FLC (Quảng Xương) ( điện, nước, dọn vệ sinh)                  | Ngày  | 10  | 1.500 | 15.000 |  |
| 6 | Kinh phí an ninh trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:                                               |       |     |       | 20.770 |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 3   | 900   | 2.700  |  |
| - | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 10 ngày x 90.000đ/ngày                                             | Người | 3   | 900   | 2.700  |  |
| - | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 10  | 500   | 5.000  |  |
| - | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng:                                               |       | 1   | 6.000 | 6.000  |  |
| - | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30  | 45    | 1.350  |  |
| - | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30  | 70    | 2.100  |  |
| - | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4   | 140   | 560    |  |
| - | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phân thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4   | 90    | 360    |  |
| 7 | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                  |       |     |       | 40.850 |  |
| - | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 29  | 50    | 1.450  |  |
| - | In giấy chứng nhận thành tích: 100 cái x 15.000đ/cái                                             | cái   | 100 | 15    | 1.500  |  |
| - | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 100 | 50    | 5.000  |  |
| - | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 100 cái x 65.000đ/cái                                            | cái   | 100 | 65    | 6.500  |  |
| - | Giải nhất: 01 giải (22 VĐV x 500.000đ/VĐV)                                                       | VĐV   | 22  | 500   | 11.000 |  |
| - | Giải nhì: 01 giải (22 VĐV x 300.000đ/VĐV)                                                        | VĐV   | 22  | 300   | 6.600  |  |

|     |                                                                                                               |         |     |       |         |  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|---------|--|
| -   | Giải ba: 02 giải (44 VĐV x 200.000đ/VĐV)                                                                      | VĐV     | 44  | 200   | 8.800   |  |
| VII | MÔN BÓNG ĐÁ NỮ (Thời gian: 20-29/9/2017- Sân vận động Thiệu Hóa)                                              |         |     |       | 292.580 |  |
| 1   | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 20.110  |  |
| -   | Phông chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310   |  |
| -   | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400   |  |
| -   | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 30    | 150     |  |
| -   | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350     |  |
| -   | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 10 ngày                                                        | Ngày    | 10  | 1.400 | 14.000  |  |
| -   | Cắt gấn đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                   | Cái     | 30  | 30    | 900     |  |
| 2   | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 62.750  |  |
| -   | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người                                                                 | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| -   | BTC họp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                               | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| -   | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 12 ngày                                                           | Người   | 15  | 960   | 14.400  |  |
| -   | Tập huấn trọng tài: 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                             | Người   | 35  | 120   | 4.200   |  |
| -   | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 10 ngày x 120.000đ/ng                                                      | Người   | 35  | -     | 38.600  |  |
| -   | Chuyên môn làm buổi tối: 7 người x 60.000đ/người/tối x 09 tối                                                 | Người   | 7   | 450   | 3.150   |  |
| 3   | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 94.200  |  |
| -   | Tiền ăn BTC: 15 người x 12 ngày x 150.000đ/ ngày                                                              | Người   | 15  | 1.800 | 27.000  |  |
| -   | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 10 ngày x 150.000đ                                                 | Người   | 35  | 1.500 | 52.500  |  |
| -   | Tiền phòng nghỉ trọng tài cấp huyện: 7 người x 10 ngày x 200.000đ/ ngày                                       | Người   | 7   | 2.000 | 14.000  |  |
| -   | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                                    | Người   | 7   | 100   | 700     |  |
| 4   | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                                         |         |     |       | 34.900  |  |
| -   | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 360 VĐV x 20.000đ/bộ                                                    | Cái     | 360 | 15    | 5.400   |  |

|      |                                                                                                  |       |     |       |                |  |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|----------------|--|
| -    | Mua dụng cụ thi đấu: 10 quả bóng                                                                 | quả   | 10  | 850   | 8.500          |  |
| -    | Mua lưới bóng đá                                                                                 | cái   | 4   | 1.350 | 5.400          |  |
| -    | Phô tô tài liệu lịch chuyển môn đồng quyền: 40 quyền x 15.000đ = 600.000đ                        | Quyển | 40  | 15    | 600            |  |
|      | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 10  | 1.500 | 15.000         |  |
| 5    | <b>Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:</b>                                                  |       |     |       | <b>20.000</b>  |  |
| -    | Tiền điện sáng                                                                                   | Ngày  | 10  | 1000  | 10.000         |  |
| -    | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                      | Ngày  | 10  | 1000  | 10.000         |  |
| 6    | <b>Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biên các đoàn:</b>                                       |       |     |       | <b>19.770</b>  |  |
| -    | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 3   | 900   | 2.700          |  |
| -    | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 10 ngày x 90.000đ/ngày                                             | Người | 3   | 900   | 2.700          |  |
| -    | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 10  | 500   | 5.000          |  |
| -    | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng:                                               |       | 1   | 5.000 | 5.000          |  |
| -    | Người cầm biên các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30  | 45    | 1.350          |  |
| -    | Thuê áo dài cầm biên các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30  | 70    | 2.100          |  |
| -    | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4   | 140   | 560            |  |
| -    | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4   | 90    | 360            |  |
| 7    | <b>Kinh phí khen thưởng trao giải:</b>                                                           |       |     |       | <b>40.850</b>  |  |
| -    | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 29  | 50    | 1.450          |  |
| -    | In giấy chứng nhận thành tích: 100 cái x 15.000đ/cái                                             | cái   | 100 | 15    | 1.500          |  |
| -    | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 100 | 50    | 5.000          |  |
| -    | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 100 cái x 65.000đ/cái                                            | cái   | 100 | 65    | 6.500          |  |
| -    | Giải nhất: 01 giải (22 VĐV x 500.000đ/VĐV)                                                       | VĐV   | 22  | 500   | 11.000         |  |
| -    | Giải nhì: 01 giải (22 VĐV x 300.000đ/VĐV)                                                        | VĐV   | 22  | 300   | 6.600          |  |
| -    | Giải ba: 02 giải (44 VĐV x 200.000đ/VĐV)                                                         | VĐV   | 44  | 200   | 8.800          |  |
| VIII | <b>MÔN BÓNG CHUYỀN NAM, NỮ (Thời gian: 06-09/10/2017- Sân vận động huyện Ngọc Lặc)</b>           |       |     |       | <b>184.660</b> |  |

|   |                                                                                                               |         |     |       |        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|--------|--|
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 13.260 |  |
| - | Phông chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310  |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400  |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200    |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350    |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                                                         | Ngày    | 4   | 1.400 | 5.600  |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900    |  |
| - | Trả công cho vận chuyển bàn ghế ra sân ngoài trời, xe đi và về                                                | bộ      | 30  | 50    | 1.500  |  |
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 30.290 |  |
| - | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC họp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                               | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                                                            | Người   | 15  | 480   | 7.200  |  |
| - | Tập huấn trọng tài : 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                            | Người   | 35  | 120   | 4.200  |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                                                       | Người   | 35  | -     | 15.440 |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 7 người x 60.000đ/người/tối x 3 tối                                                  | Người   | 7   | 150   | 1.050  |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 59.000 |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                               | Người   | 15  | 900   | 13.500 |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 150.000đ                                                  | Người   | 35  | 600   | 21.000 |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài: 35 người x 3 ngày x 200.000đ/ ngày                                                 | Người   | 35  | 600   | 21.000 |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                                    | Người   | 35  | 100   | 3.500  |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                                         |         |     |       | 21.350 |  |
| - | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 400 VĐV x 20.000đ/bộ                                                    | Cái     | 400 | 15    | 6.000  |  |
| - | Mua dụng cụ thi đấu: (mua bóng và cột)                                                                        | bộ      | 10  | 500   | 5.000  |  |
| - | Mua lưới bóng chuyền                                                                                          | cái     | 5   | 450   | 2.250  |  |

|    |                                                                                                   |       |    |       |         |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|-------|---------|--|
| -  | Mua luồng làm kỷ đài (luồng, công)                                                                | cây   | 20 | 75    | 1.500   |  |
| -  | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                         | Quyển | 40 | 15    | 600     |  |
|    | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                     | ngày  | 4  | 1.500 | 6.000   |  |
| 5  | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                          |       |    |       | 8.000   |  |
| -  | Tiền điện sáng                                                                                    | Ngày  | 4  | 1.000 | 4.000   |  |
| -  | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                       | Ngày  | 4  | 1.000 | 4.000   |  |
| 6  | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cảm biến các đoàn:                                               |       |    |       | 10.030  |  |
| -  | Lực lượng an ninh trật tự                                                                         | Người | 3  | 360   | 1.080   |  |
| -  | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                               | Người | 3  | 360   | 1.080   |  |
| -  | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                    | ngày  | 4  | 500   | 2.000   |  |
| -  | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                 |       | 1  | 1.500 | 1.500   |  |
| -  | Người cảm biến các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                       | Người | 30 | 45    | 1.350   |  |
| -  | Thuê áo dài cảm biến các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                       | Cái   | 30 | 70    | 2.100   |  |
| -  | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ  | Bộ    | 4  | 140   | 560     |  |
| -  | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ          | Người | 4  | 90    | 360     |  |
| 7  | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                   |       |    |       | 42.730  |  |
| -  | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                          | lá    | 29 | 50    | 1.450   |  |
| -  | In giấy chứng nhận thành tích: 96 cái x 15.000đ/cái                                               | cái   | 96 | 15    | 1.440   |  |
| -  | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                           | bó    | 96 | 50    | 4.800   |  |
| -  | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 96 cái x 65.000đ/cái                                              | cái   | 96 | 65    | 6.240   |  |
| -  | Giải nhất: 24 giải x 500.000đ                                                                     | giải  | 24 | 500   | 12.000  |  |
| -  | Giải nhì: 24 giải x 300.000đ                                                                      | giải  | 24 | 300   | 7.200   |  |
| -  | Giải ba: 48 giải x 200.000đ                                                                       | giải  | 48 | 200   | 9.600   |  |
| IX | 04 MÔN: ĐÁY GẬY, TUNG CÒN, BẮN NỔ, KÉO CO: (Thời gian: 04-07/11/2017-Sân vận động huyện Ngọc Lặc) |       |    |       | 341.820 |  |

|   |                                                                                                               |         |     |       |         |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|---------|--|
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 13.260  |  |
| - | Phòng chính in phun vải bạt + phụ kiện, công kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ           | M2      | 33  | 70    | 2.310   |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400   |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200     |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350     |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                                                         | Ngày    | 4   | 1.400 | 5.600   |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900     |  |
| - | Trà công cho vận chuyển bàn ghế ra sân ngoài trời, xe đi và về                                                | bộ      | 30  | 50    | 1.500   |  |
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 55.760  |  |
| - | BTC hợp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| - | BTC hợp rút kinh nghiệm : 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                              | Người   | 15  | 80    | 1.200   |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                                                            | Người   | 15  | 480   | 7.200   |  |
| - | Tập huấn trọng tài (20 người/môn): 80 người x 01 ngày x 120.000đ                                              | Người   | 80  | 120   | 9.600   |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 80 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                                                       | Người   | 80  | -     | 35.360  |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 8 người x 60.000đ/người/tối x 3 tối                                                  | Người   | 8   | 150   | 1.200   |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 117.500 |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                               | Người   | 15  | 900   | 13.500  |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 80 người x 4 ngày x 150.000đ                                                  | Người   | 80  | 600   | 48.000  |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài: 80 người x 3 ngày x 200.000đ/ ngày                                                 | Người   | 80  | 600   | 48.000  |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                                    | Người   | 80  | 100   | 8.000   |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                                         |         |     |       | 22.500  |  |
| - | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 500 VĐV x 20.000đ/bộ                                                    | Cái     | 500 | 15    | 7.500   |  |
|   | Môn đẩy gậy                                                                                                   | gậy     | 10  | 200   | 2.000   |  |
|   | Môn Bắn nỏ (bộ bia và giá bia)                                                                                | bộ      | 8   | 300   | 2.400   |  |
|   | Môn tung còn (cây và vòng còn)                                                                                | bộ      | 2   | 500   | 1.000   |  |

|   |                                                                                                  |       |     |       |         |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-----|-------|---------|--|
|   | Môn kéo co                                                                                       | dây   | 2   | 1.500 | 3.000   |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đồng quyền: 40 quyền x 15.000đ = 600.000đ                        | Quyền | 40  | 15    | 600     |  |
| - | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 4   | 1.500 | 6.000   |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu:                                                         |       |     |       | 8.000   |  |
| - | Tiền điện sáng                                                                                   | Ngày  | 4   | 1.000 | 4.000   |  |
| - | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                      | Ngày  | 4   | 1.000 | 4.000   |  |
| 6 | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biển các đoàn:                                              |       |     |       | 10.030  |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 3   | 360   | 1.080   |  |
| - | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                              | Người | 3   | 360   | 1.080   |  |
| - | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 4   | 500   | 2.000   |  |
| - | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                |       | 1   | 1500  | 1.500   |  |
| - | Người cầm biển các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30  | 45    | 1.350   |  |
| - | Thuê áo dài cầm biển các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30  | 70    | 2.100   |  |
| - | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4   | 140   | 560     |  |
| - | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4   | 90    | 360     |  |
| 7 | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                  |       |     |       | 114.770 |  |
| - | Cờ lưu niệm các đoàn: 25 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 25  | 50    | 1.250   |  |
| - | In giấy chứng nhận thành tích: 264 cái x 15.000đ/cái                                             | cái   | 264 | 15    | 3.960   |  |
| - | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 264 | 50    | 13.200  |  |
| - | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 264 cái x 65.000đ/cái                                            | cái   | 264 | 65    | 17.160  |  |
| - | Giải nhất: 66 giải x 500.000đ                                                                    | giải  | 66  | 500   | 33.000  |  |
| - | Giải nhì: 66 giải x 300.000đ                                                                     | giải  | 66  | 300   | 19.800  |  |
| - | Giải ba: 132 giải x 200.000đ                                                                     | giải  | 132 | 200   | 26.400  |  |
| X | MÔN BÓNG BÀN (Thời gian: 25-28/11/2017- Nhà thi đấu Nga Sơn)                                     |       |     |       | 149.390 |  |

|   |                                                                                                               |         |     |       |        |  |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----|-------|--------|--|
| 1 | Kinh phí trang trí khánh tiết, băng zôn tuyên truyền                                                          |         |     |       | 11.760 |  |
| - | Phòng chính in phun vải bạt + phụ kiện, công: kích thước: 7m75x4m20 = 33m2 x 80.000đ/m2 = 2.310.000đ          | M2      | 33  | 70    | 2.310  |  |
| - | Băng zôn tuyên truyền in phun vải bạt + phụ kiện + công: KT 10m x 80cm = 8m2 x 4 câu x 80.000đ/m = 2.240.000đ | Câu     | 4   | 600   | 2.400  |  |
| - | Hoa bát bàn đại biểu: 05 bát x 50.000đ/bát                                                                    | Bát     | 5   | 40    | 200    |  |
| - | Hoa bục phát biểu 01 bát x 400.000đ                                                                           | đĩa hoa | 1   | 350   | 350    |  |
| - | Thuê tăng âm loa đài 01 bộ x 1.400.000đ/ngày x 4 ngày                                                         | Ngày    | 4   | 1.400 | 5.600  |  |
| - | Cắt giân đề can biển đoàn: 30 cái x 40.000đ/cái = 1.200.000đ                                                  | Cái     | 30  | 30    | 900    |  |
| 2 | Kinh phí BTC, trọng tài, làm nhiệm vụ, người phục vụ giải:                                                    |         |     |       | 30.290 |  |
| - | BTC họp triển khai: 15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                                    | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC họp rút kinh nghiệm :15 người x 100.000đ/người = 1.500.000đ                                               | Người   | 15  | 80    | 1.200  |  |
| - | BTC làm nhiệm vụ: 15 người x 80.000đ/ngày x 6 ngày                                                            | Người   | 15  | 480   | 7.200  |  |
| - | Tập huấn trọng tài : 35 người x 01 ngày x 120.000đ                                                            | Người   | 35  | 120   | 4.200  |  |
| - | Trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 120.000đ/ng                                                       | Người   | 35  | -     | 15.440 |  |
| - | Chuyên môn làm buổi tối: 7 người x 60.000đ/người/tối x 3 tối                                                  | Người   | 7   | 150   | 1.050  |  |
| 3 | Kinh phí tiền ăn, phòng nghỉ BTC, trọng tài làm nhiệm vụ:                                                     |         |     |       | 59.000 |  |
| - | Tiền ăn BTC: 15 người x 6 ngày x 150.000đ/ ngày                                                               | Người   | 15  | 900   | 13.500 |  |
| - | Tiền ăn trọng tài làm nhiệm vụ: 35 người x 4 ngày x 150.000đ                                                  | Người   | 35  | 600   | 21.000 |  |
| - | Tiền phòng nghỉ trọng tài: 35 người x 3 ngày x 200.000đ/ ngày                                                 | Người   | 35  | 600   | 21.000 |  |
| - | Hỗ trợ xăng xe trọng tài cấp huyện đi, về.                                                                    | Người   | 35  | 100   | 3.500  |  |
| 4 | Kinh phí văn phòng phẩm, in thẻ VĐV, dụng cụ thi đấu:                                                         |         |     |       | 15.600 |  |
| - | In thẻ VĐV, trưởng đoàn, túi ni lông: 300 VĐV x 20.000đ/bộ                                                    | Cái     | 300 | 15    | 4.500  |  |
| - | Mua dụng cụ thi đấu: hộp bóng                                                                                 | hộp     | 50  | 90    | 4.500  |  |
| - | Phô tô tài liệu lịch chuyên môn đóng quyển: 40 quyển x 15.000đ = 600.000đ                                     | Quyển   | 40  | 15    | 600    |  |

|   |                                                                                                  |       |    |       |        |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----|-------|--------|--|
|   | Nước uống cho đại biểu, BTC, trọng tài và VĐV                                                    | ngày  | 4  | 1.500 | 6.000  |  |
| 5 | Kinh phí cơ sở vật chất phục vụ thi đấu                                                          |       |    |       | 8.000  |  |
| - | Tiền điện sáng                                                                                   | Ngày  | 4  | 1000  | 4.000  |  |
| - | Tiền nước, công dọn vệ sinh                                                                      | Ngày  | 4  | 1000  | 4.000  |  |
| 6 | Kinh phí an ninh, trật tự, y tế, cầm biên các đoàn:                                              |       |    |       | 9.530  |  |
| - | Lực lượng an ninh trật tự                                                                        | Người | 3  | 360   | 1.080  |  |
| - | Y tế làm nhiệm vụ: 03 người x 4 ngày x 90.000đ/ngày                                              | Người | 3  | 360   | 1.080  |  |
| - | Hỗ trợ tiền xăng xe cứu thương                                                                   | ngày  | 4  | 500   | 2.000  |  |
| - | Thuốc dự phòng loại xịt lạnh, bông, cồn sát trùng                                                |       | 1  | 1.000 | 1.000  |  |
| - | Người cầm biên các đoàn khai mạc: 30 người x 01 buổi x 45.000đ = 1.350.000đ                      | Người | 30 | 45    | 1.350  |  |
| - | Thuê áo dài cầm biên các đoàn 30 cái x 70.000đ = 2.100.000đ                                      | Cái   | 30 | 70    | 2.100  |  |
| - | Thuê áo dài bê hoa, cờ lưu niệm phục vụ khai mạc và tổng kết: 4 bộ x 2 buổi x 70.000đ = 560.000đ | Bộ    | 4  | 140   | 560    |  |
| - | Công người phục vụ bê hoa, cờ, phần thưởng: 04 người x 02 buổi x 45.000đ/buổi = 360.000đ         | Người | 4  | 90    | 360    |  |
| 7 | Kinh phí khen thưởng trao giải:                                                                  |       |    |       | 15.210 |  |
| - | Cờ lưu niệm các đoàn: 29 lá x 50.000đ/lá                                                         | lá    | 29 | 50    | 1.450  |  |
| - | In giấy chứng nhận thành tích: 32 cái x 15.000đ/cái                                              | cái   | 32 | 15    | 480    |  |
| - | Hoa trao thưởng cho VĐV                                                                          | bó    | 32 | 50    | 1.600  |  |
| - | Làm huy chương vàng, bạc, đồng: 32 cái x 65.000đ/cái                                             | cái   | 32 | 65    | 2.080  |  |
| - | Giải nhất: 8 giải x 500.000đ                                                                     | giải  | 8  | 500   | 4.000  |  |
| - | Giải nhì: 8 giải x 300.000đ                                                                      | giải  | 8  | 300   | 2.400  |  |
| - | Giải ba: 16 giải x 200.000đ                                                                      | giải  | 16 | 200   | 3.200  |  |